



ISSN
1859-3968

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
Tập 27, Số 2 (2022): 3-12

Email: tapchikhoahoc@hvu.edu.vn Website: www.hvu.edu.vn

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
HUNG VUONG UNIVERSITY
Vol. 27, No. 2 (2022): 3-12

ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ ỨNG DỤNG THỰC TIỄN

Ngô Thúy Quỳnh^{1*}

¹Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội

Ngày nhận bài: 24/01/2022; Ngày chỉnh sửa: 13/4/2022; Ngày duyệt đăng: 15/4/2022

Tóm tắt

Đến hết năm 2021, Việt Nam đã có 291 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 87 nghìn ha (riêng đất dành để phát triển công nghiệp khoảng 58 nghìn ha), giải quyết việc làm cho khoảng 1,5 triệu lao động, đóng góp khoảng 35% giá trị xuất khẩu, 32% giá trị sản xuất công nghiệp... Các khu công nghiệp đã tạo ra sức phát triển kinh tế to lớn cho đất nước cũng như cho các tỉnh. Song sự đóng góp to lớn thực sự ra sao thì chưa thấy được định lượng một cách đầy đủ, toàn diện. Các tổ chức khoa học, các cơ quan quản lý nhà nước chưa có công trình nghiên cứu thỏa đáng về đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển khu công nghiệp. Vì thế, ở Việt Nam chưa có được những ý kiến nhận xét mang tính thuyết phục về giá trị của công cuộc phát triển các khu công nghiệp. Trước tình hình đó, tác giả đã dành công sức nghiên cứu về vấn đề đánh giá phát triển khu công nghiệp với mong muốn góp thêm thông tin cho những ai quan tâm tham khảo, nhất là cho các địa phương ở nước ta.

Từ khóa: *Đánh giá, chỉ tiêu, khu công nghiệp, hiệu quả.*

1. Đặt vấn đề

Để tìm ra các giải pháp thúc đẩy phát triển các khu công nghiệp (KCN) một cách có hiệu quả cao hơn, bền vững hơn trên phạm vi quốc gia cũng như ở địa bàn các tỉnh nhất thiết phải đánh giá định lượng về kết quả, hiệu quả phát triển khu công nghiệp. Trong quá trình nghiên cứu vấn đề đánh giá phát triển các khu kinh tế (KKT), KCN ở Việt Nam, tác giả đã dành công sức và thời gian đi sâu nghiên cứu, tổng hợp

các kết quả nghiên cứu đã được công bố và suy tính của bản thân để tìm ra các chỉ tiêu phục vụ việc đánh giá định lượng kết quả, hiệu quả phát triển KCN một cách khách quan, đáp ứng yêu cầu đánh giá phát triển các KCN ở các tỉnh một cách đầy đủ, toàn diện hơn. Từ đó có thêm cơ sở khoa học để vận dụng vào việc đánh giá phát triển KCN, tìm ra phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển KCN ở các tỉnh của nước ta trong thời gian tới.

*Email: ngothuyquynhadp@gmail.com

2. Một số vấn đề lý luận và phương pháp sử dụng để đánh giá phát triển khu công nghiệp trong bối cảnh Việt Nam

2.1. Đánh giá phát triển khu công nghiệp

Do vai trò to lớn của KCN nên các quốc gia đều tìm cách phát triển KCN. Vì thế khi đã phát triển KCN thì phải đánh giá kết quả, hiệu quả do chúng đem lại. Đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN là vấn đề khách quan, phải làm theo định kỳ hàng năm hoặc nhiều năm với sự tham gia của những chuyên gia am hiểu chuyên sâu. Kết quả đánh giá tạo thêm căn cứ khoa học cho các cơ quan nhà nước hữu trách rà soát tình hình phát triển KCN ở địa phương, kịp thời đổi mới định hướng phát triển KCN và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển bền vững các KCN ở nước ta. Trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu cụ thể, cần thiết, người ta có thể xác định mức độ đạt được về kết quả, hiệu quả phát triển các KCN theo yêu cầu bền vững đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương cũng như của cả nước. Việc đánh giá phát triển các KCN phải được thống nhất trên phạm vi cả nước. Cơ quan hữu trách cần xây dựng tài liệu đánh giá và tổ chức hướng dẫn các địa phương tiến hành đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN trong quá trình thịnh vượng quốc gia cũng như cho các tỉnh, tạo ra nhiều việc làm có thu nhập cao cho người lao động và nâng cao mức sống người dân.

2.2. Phương pháp nghiên cứu chủ đề này

Để đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển các KCN, người ta sử dụng phổ biến các phương pháp chủ yếu như: Phân tích thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp dự báo, phương pháp phân tích chính sách, phương pháp chuyên gia và sử dụng phương pháp tương tự,... Trong khi phân tích thống kê rất cần sử dụng thêm phương pháp bảng, so

đồ, đồ thị và đôi khi còn sử dụng phương pháp GIS (thông tin địa lý). Trên cơ sở các số liệu thống kê thu thập và đã được xử lý thành hệ thống thông tin thứ cấp (thông tin tinh) người ta tiến hành phân tích động thái các chỉ tiêu qua các năm trong thời kỳ nghiên cứu. Khi sử dụng phương pháp này rất cần có bộ số liệu có chất lượng. Kết quả, hiệu quả phát triển KCN phụ thuộc rất nhiều vào luật pháp, chính sách của Nhà nước cũng như chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách đặc thù của địa phương do chính quyền địa phương ban hành và tổ chức thực hiện. Nếu chính sách tốt, phù hợp thì việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của KCN sẽ hoàn thành nhanh và thu hút được nhiều nhà đầu tư xứng đáng vào các KCN và ngược lại. Cũng chính vì lý do này người ta còn phải sử dụng phương pháp phân tích chính sách để thấy rõ tác động tích cực, tác động tiêu cực từ các chính sách đã ban hành đến phát triển các KCN đang thực hiện. Đáp ứng yêu cầu đề xuất định hướng và đưa ra giải pháp đúng đắn để nâng cao hiệu quả phát triển KCN, người ta còn sử dụng phương pháp dự báo. Dự báo phát triển các KCN, dự báo thu hút các nhà đầu tư vào KCN, dự báo bối cảnh tương lai tác động tới phát triển các KCN cũng như dự báo kết quả, hiệu quả phát triển KCN. Ở Việt Nam, có tỉnh phát triển KCN rất tốt nhưng cũng có tỉnh phát triển KCN còn lúng túng, chưa có được kết quả, hiệu quả như mong muốn. Trong bối cảnh ấy, người ta sử dụng phương pháp tương tự để học tập và rút kinh nghiệm cho việc phát triển KCN ở địa phương mình.

Ở Việt Nam, có những chuyên gia am hiểu và có quỹ thời gian nghiên cứu sâu về phát triển KCN nên sử dụng phương pháp chuyên gia để thu thập thêm thông tin, thẩm định các nhận định, các kết luận trong quá trình nghiên cứu KCN và đề tham vấn về định hướng các chủ trương, giải pháp phát triển KCN trong bối cảnh mới.

2.3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng để đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh ở Việt Nam

2.3.1. Nhận thức chung

Trước khi bàn thảo về các chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN, tác giả bài viết muốn nhấn mạnh một số điểm:

Thứ nhất là, phát triển KCN không phải là hoạt động tự thân. Phát triển KCN là một trong những nội dung quan trọng của việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, phát triển KCN chịu sự tác động của nền kinh tế và sự phát triển của nền kinh tế cũng nhận lại sự tác động từ phát triển KCN. Sự phát triển của nền kinh tế có quan hệ mật thiết với sự phát triển của các KCN. Các KCN phát triển phải đóng góp quan trọng cho việc thịnh vượng nền kinh tế. Nói cách khác, trong sự phát triển của địa phương, của cả nước có nội dung phát triển các KCN cũng như sự phát triển các KCN là yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của cả nước. Vì thế khi bàn về chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN cần đặt trong bối cảnh cùng với việc xem xét và đánh giá phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hay của địa phương.

Thứ hai là, thực tế lâu nay các Ban quản lý KCN, một số nhà khoa học và nhà quản lý đã đề cập đến vấn đề đánh giá phát triển khu công nghiệp [1-3]. Tuy nhiên họ chưa trình bày một cách đầy đủ, toàn diện về đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN. Họ chủ yếu nhắc tới việc phân tích kết quả phát triển KCN theo các chỉ tiêu như sau đây:

- Diện tích lấp đầy và tỷ lệ diện tích lấp đầy KCN. Đây là chỉ tiêu có ý nghĩa quan trọng, nhưng nếu tỷ lệ lấp đầy cao mà thu hút vào KCN toàn là dự án nhỏ, tạo ra ít giá trị gia tăng thì không tốt.

- Diện tích cho thuê trong KCN so với tổng diện tích đã chuẩn bị xong các điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Đây cũng là chỉ tiêu có ý nghĩa. Vì nếu diện tích cho thuê càng nhiều thì càng tốt. Nhưng mặt khác nếu chỉ cho các doanh nghiệp, dự án nhỏ thuê; họ làm ra ít giá trị gia tăng hoặc các dự án chỉ có công nghệ thấp thì cũng không tốt.

- Số dự án đã thu hút vào KCN. Cũng như 2 chỉ tiêu trên, nó có ý nghĩa nhưng nếu thu hút vào KCN những dự án nhỏ, tạo ra ít giá trị thì cũng không tốt.

- Lao động làm việc trong KCN. Nếu thu hút được nhiều lao động thì cũng đáng chú ý nhưng chỉ với những việc làm có thu nhập thấp và với công nghệ thấp thì cũng không tốt.

- Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đã thực hiện. Đây là chỉ tiêu cũng rất quan trọng. Nếu việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện sẽ thu hút được nhiều dự án nhưng nếu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN hoàn thiện mà không thu hút được nhiều dự án đầu tư vào KCN thì cũng không tốt.

- Vốn đầu tư của các doanh nghiệp đã thực hiện để phát triển sản xuất kinh doanh. Đây cũng là chỉ tiêu có ý nghĩa nhưng nếu chỉ thu hút những dự án sử dụng công nghệ thấp thì cũng không thể tạo ra nhiều giá trị nên cũng không tốt.

- Doanh thu của các doanh nghiệp. Đây là chỉ tiêu có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, trong khi vấn đề quan trọng là giá trị gia tăng chứ không phải là giá trị sản xuất hoặc doanh thu của doanh nghiệp trong KCN. Nếu giá trị sản xuất cao nhưng tỷ trọng giá trị gia tăng trong nó lại thấp (tức là giá trị gia tăng ít) thì điều đó có nghĩa là hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN cũng thấp.

Theo tác giả, các chỉ tiêu mà người ta đã sử dụng nêu trên trong thời gian qua mới phản ánh một số khía cạnh về mặt “số lượng” cần phân tích chứ chưa đề cập mặt “chất lượng” phát triển của các KCN. Song, về mặt số lượng cũng chưa đủ và về mặt chất lượng thì hầu như chưa đề cập tới. Vấn đề quan trọng phải là kết hợp việc đánh giá cả về mặt số lượng và cả về mặt chất lượng phát triển KCN. Vì thế, khi đánh giá về phát triển các KCN ở Việt Nam có thể nói còn nhiều vấn đề phải suy ngẫm thêm. Tác giả cho rằng, mấu chốt của vấn đề là chúng ta chưa tường minh về việc tính toán mức độ đóng góp của các KCN cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (từ đây gọi tắt là tỉnh) cũng như của cả nước.

Thứ ba là, đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN cần có định lượng, mà nói đến định lượng thì cần có chỉ tiêu. Muốn đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN cần nhớ một điểm vô cùng quan trọng là, phát triển KCN luôn luôn có hai mặt: mặt được và mặt chưa được. Do đó, phải đo lường cả mặt được và mặt chưa được. Đồng thời, phải gắn đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN với việc phân tích, đánh giá hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc của cả nước. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc và mang tính tư tưởng chỉ đạo đối với việc đánh giá phát triển KCN.

Bàn về chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN là vấn đề lớn và phức tạp. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả chỉ xin nêu một số điểm để có thêm thông tin cho những ai quan tâm cùng suy ngẫm. Tác giả là người có thời gian làm việc ở Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (là Cơ quan chịu trách nhiệm làm đầu mối cho việc quy hoạch, theo dõi, giám sát phát triển KCN ở Việt Nam) nên có thời gian nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phát triển KCN. Trong

quá trình theo dõi việc quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển KCN trên phạm vi cả nước và tham gia nghiên cứu đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN, tác giả cho rằng, việc đánh giá phát triển KCN phải được triển khai theo hai góc độ:

(1). Góc độ thứ nhất: Kết quả, hiệu quả phát triển của bản thân KCN

Về lý thuyết nếu doanh nghiệp làm ăn không có lợi nhuận (lãi) thì họ sẽ rời khỏi thị trường. Trong trường hợp ấy, những doanh nghiệp nằm trong KCN sẽ không thể có được hiệu quả. Vì thế, khi đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN thì phải đánh giá kết quả, hiệu quả của bản thân KCN trước đã. Tỷ lệ nhà xưởng cao tầng trong tổng diện tích nhà xưởng trong KCN cũng có ý nghĩa quan trọng nên dấu hiệu này cần được xem xét. Thực tế ở nhiều quốc gia, đối với KCN thì chỉ tiêu tỷ lệ nhà xưởng cao tầng trong tổng diện tích nhà xưởng của KCN rất cần được phân tích vì mục đích tiết kiệm đất. Nhiều lĩnh vực chế tạo sản phẩm điện tử, may mặc, giày da... có thể xây dựng nhà xưởng nhiều tầng. Từ tầng trên cùng xuống đến tầng 1 được bố trí các công đoạn để sản phẩm được hoàn chỉnh và đóng gói xuất đi.

(2). Góc độ thứ hai:

Đóng góp của KCN cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc của cả nước. Thực tế cho thấy, nếu KCN phát triển có hiệu quả nhưng đóng góp ít cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc của cả nước thì cũng không tốt (khi mà Nhà nước đã mất công quy hoạch, mất tiền để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho KCN, tốn công đảm bảo trật tự, an toàn, an ninh cho KCN có điều kiện để hoạt động diễn ra bình thường. Để tăng tốc kinh tế quốc gia thì Nhà nước mới đưa ra chủ trương phát triển KCN và theo chủ trương đó, các tỉnh mới tiến hành xây dựng quy hoạch và tìm kiếm các nhà đầu tư

thu hút vào các KCN. Vì thế, mức độ đóng góp của các KCN cho công cuộc phát triển chung của tỉnh hoặc của cả nước là vấn đề quan trọng.

Nếu chỉ xem xét, đánh giá theo một trong hai góc độ vừa nêu thì không đầy đủ, không toàn diện. Vì thế, không thể do bất kỳ lý do gì mà chỉ xem xét, đánh giá phát triển KCN theo một góc độ nêu trên. Hai góc độ mà tác giả nói tới có quan hệ mật thiết với nhau. Nếu chỉ đem lại hiệu quả cho bản thân KCN mà không đem lại hiệu quả (hay không đóng góp được gì) cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc của cả nước thì cũng chưa thể có căn cứ nhận biết đầy đủ, toàn diện về kết quả, hiệu quả phát triển KCN. Đánh giá theo hai góc độ để dễ xem xét và góp phần làm cho việc nhận diện kết quả, hiệu quả phát triển KCN đúng đắn hơn.

2.3.2. Xác định các chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển khu công nghiệp đối với tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương

Phân tích theo hai góc độ nêu trên để định lượng đầy đủ, toàn diện kết quả, hiệu quả phát triển KCN là rất cần thiết [4, 5]. Theo quan điểm đó, tác giả đã trình bày cụ thể hơn về 3 nhóm chỉ tiêu chủ yếu cần sử dụng để phân tích dưới đây:

2.3.2.1. Nhóm chỉ tiêu thứ nhất: Hiệu quả của bản thân KCN

Mỗi KCN cũng như hệ thống các KCN đều cần hoạt động có hiệu quả. Hiệu quả phát triển đối với bản thân các KCN được đo lường bằng các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

(1). Số khu công nghiệp và tổng diện tích chiếm đất của KCN.

(2). Tỷ lệ diện tích lấp đầy của KCN hay tỷ lệ diện tích đất đã cho thuê của KCN.

(3). Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và mức độ hoàn thành xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của KCN.

(4). Số dự án đã thu hút vào KCN và vốn đầu tư của doanh nghiệp đã thực hiện đưa vào sử dụng; vốn đầu tư sản xuất kinh doanh trên 1 ha diện tích thuê.

(5). Tổng tiêu thụ điện và mức tiêu tốn điện năng trên 1 đồng doanh thu. Đây là chỉ tiêu hiện chưa được thống kê.

(6). Tổng doanh thu của KCN (hoặc tổng giá trị gia tăng của các KCN).

(7). Tỷ lệ giá trị gia tăng trong tổng doanh thu. Chỉ tiêu này hiện chưa được thống kê.

(8). Tổng kim ngạch xuất khẩu và mức đóng góp của các KCN.

(9). Năng suất lao động.

(10). Thu nhập bình quân một lao động (đây là chỉ tiêu thể hiện rõ lợi ích mà người lao động thực tế nhận được. Nó là chỉ tiêu phản ánh sức cạnh tranh trong việc giữ chân hoặc thu hút người lao động của các KCN).

(11). Quy mô vốn trên 1 dự án (đây là chỉ tiêu phản ánh gián tiếp trình độ công nghệ của các nhà đầu tư vào KCN. Quy mô vốn càng lớn thì thường dự án ấy có công nghệ cao, mang ý nghĩa tầm toàn cầu).

(12). Tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao trong tổng doanh thu hay trong tổng giá trị gia tăng của KCN (đây là chỉ tiêu phản ánh trực tiếp trình độ công nghệ hiện đại của các doanh nghiệp trong KCN). Chỉ tiêu này hiện chưa được thống kê.

Ngoài 12 chỉ tiêu đã trình bày ở trên, khi có số liệu, người ta còn phân tích cả tỷ lệ không gian cao tầng xây dựng nhà xưởng trong tổng diện tích nhà xưởng trong KCN. Tỷ lệ này càng cao càng tốt và ngược lại.

Khi đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển của 1 KCN thì không cần chỉ tiêu số 1 trong 12 chỉ tiêu ở trên.

2.3.2.2. Nhóm chỉ tiêu thứ hai: Đóng góp của khu công nghiệp cho tỉnh hoặc cho cả nước

Như đã nói ở trên, sự phát triển các KCN phải góp phần đóng góp vào hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh hoặc của cả nước. Sự đóng góp ấy được đo lường bằng các chỉ tiêu chủ yếu dưới đây:

(1). Tổng nộp thuế đóng góp vào thu ngân sách nhà nước của địa phương hay của cả nước.

(2). Mức độ hay tỷ lệ đóng góp của KCN cho tăng trưởng kinh tế của địa phương hay của cả nước.

(3). Mức độ hay tỷ lệ đóng góp của KCN vào kim ngạch xuất khẩu của địa phương hay của cả nước.

(4). Mức độ đóng góp của KCN vào giải quyết việc làm cho người lao động (đây là chỉ tiêu có hai mặt nên cần chú ý khi phân tích. Khi doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao thì họ cần ít lao động và ngược lại những doanh nghiệp có công nghệ thấp lại cần nhiều lao động).

(5). Mức độ đóng góp của KCN vào hiện đại hóa phát triển của nền kinh tế của địa phương hay của cả nước (đây là chỉ tiêu cực kỳ quan trọng, cố gắng tìm kiếm số liệu để phân tích). Số liệu cần thu thập là giá trị lĩnh vực công nghệ cao chiếm trong tổng doanh thu của các KCN.

Chỉ tiêu số 7 thuộc nhóm chỉ tiêu của mục 2.3.2.1 cùng với chỉ tiêu số 2 và 4 thuộc nhóm chỉ tiêu 2.3.2.2 càng có giá trị cao càng cho biết rõ vai trò lớn của 1 hoặc của các KCN đóng góp vào việc gia tăng GRDP, nâng cao trình độ hiện đại hóa của địa phương được nghiên cứu. Cả lý thuyết và thực tiễn chỉ ra rằng, hiện đại hóa mới quyết định sự thành bại của các nền kinh tế. Thụy Sĩ, Canada, Úc, New Zealand, Singapore...

không có công nghiệp phát triển như của Mỹ, Pháp, Đức, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc nhưng họ vẫn đứng trong nhóm các quốc gia phát triển và có GDP/người ở mức rất cao (cỡ 40-70 nghìn USD/người). Năm 1978, Trung Quốc thực thi chủ trương cải cách mở cửa để thịnh vượng kinh tế đã lấy 4 hiện đại hóa làm phương châm chiến lược (hiện đại hóa nông nghiệp, hiện đại hóa công nghiệp, hiện đại hóa khoa học công nghệ và hiện đại hóa quốc phòng). Thực hiện thành công chủ trương này, đến nay họ đã có nền kinh tế đứng thứ 2 thế giới (sau Mỹ) và có GDP/người vượt mức 10 nghìn USD.

2.3.2.3. Nhóm chỉ tiêu thứ ba: Thiệt hại do phát triển KCN gây ra (nó chỉ xảy ra khi cơ quan quản lý nhà nước hữu trách không kiểm soát được quá trình phát triển các nhà đầu tư trong KCN)

Sự phát triển KCN tác động rất lớn tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo cả chiều tích cực và chiều tiêu cực. Vì thế, việc đánh giá mức độ tác động tiêu cực do sự phát triển KCN gây ra cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nhìn chung cho tới nay các công trình mà tác giả thu thập được đều chưa đề cập thỏa đáng vấn đề này. Tác động tiêu cực của sự phát triển các KCN cần được đánh giá cẩn thận và đánh giá kỹ càng.

Tác giả đã nêu ra mấy chỉ tiêu chủ yếu sử dụng để đánh giá tác động tiêu cực từ quá trình phát triển của KCN gây ra cho sự phát triển của địa phương:

(1). Mức độ xử lý chất thải của KCN và chi phí để khắc phục ô nhiễm môi trường do KCN gây ra (nếu có).

(2). Mức độ thất thoát về giá trị kinh tế do các doanh nghiệp thực hiện chiêu "Lỗ giả lãi thật" để trốn thuế. Đây là chỉ tiêu khó thống kê cũng như khó tính toán. Nhà nước nên và cần tổ chức điều tra và tìm cách xác định

được chỉ tiêu này. Về lâu dài, Nhà nước phối hợp cùng các địa phương và hệ thống tinh báo kinh tế (cùng với đội ngũ ngoại giao ở nước ngoài) nên có sự phối kết hợp điều tra để biết mức độ chuyên giá nhằm tính được mức thất thoát do các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước gây ra, làm tổn hại cho nền kinh tế.

(3). Số người lao động nông nghiệp bị thất nghiệp do chuyển đất nông nghiệp sang cho mục đích phát triển các KCN. Khi người dân mất việc làm do chuyển đất nông nghiệp cho phát triển KCN nhưng không được thu hút vào làm việc trong KCN sẽ nảy sinh những vấn đề bất lợi cho công cuộc phát triển chung.

(4). Mức độ tác hại của tệ nạn xã hội và tác động của chúng tới phát triển của địa phương nơi KCN đóng đô.

Tính toán và phân tích đầy đủ 3 nhóm chỉ tiêu này sẽ thấy được một cách rõ ràng về kết quả, hiệu quả phát triển KCN. Cả 4 chỉ tiêu thuộc nhóm này càng có giá trị bé càng tốt. Hiện nay các chỉ tiêu của nhóm này đều quan trọng nhưng chưa có số liệu thống kê nên phải điều tra, khảo sát thêm.

3. Ứng dụng đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển khu công nghiệp ở tỉnh Phú Thọ

Trong khuôn khổ bài báo, tác giả muốn trình bày một cách tinh gọn về kết quả, hiệu quả phát triển các KCN ở tỉnh Phú Thọ - một tỉnh đã có sự phát triển khá ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ. Phú Thọ nằm trên hành lang kinh tế xuyên quốc gia nối kết Vân Nam Trung Quốc với Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long và đi tiếp vào Thanh Hóa rồi đi vào phía Nam. Phú Thọ cách Thủ đô Hà Nội khoảng 100 km, cách sân bay Nội Bài khoảng 60 km và cách cảng biển Hải Phòng khoảng 180 km. Tỉnh Phú Thọ có khoảng 118 nghìn ha đất nông nghiệp, phần đáng kể là đất thuộc loại

xấu có thể dành ra để phát triển các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Phú Thọ là nơi đất Tổ của người dân đất Việt, có 2 di sản quốc tế và 1 di sản quốc gia, có vốn văn hóa giàu có, đặc sắc nên tạo ra sức hút hấp dẫn du khách và các nhà đầu tư (nhất là khi các địa phương xung quanh Hà Nội đã giảm dư địa thu hút). Cho đến năm 2020, có thể nói việc phát triển KCN ở tỉnh Phú Thọ chưa đem lại kết quả, hiệu quả như mong muốn. Trong 7 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì mới có 4 KCN xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút được 155 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 40 nghìn tỷ đồng. Tổng vốn FDI mới thu hút vào Phú Thọ được khoảng 6 tỷ USD, tạo ra giá trị xuất khẩu khoảng 5,5 tỷ USD [6, 9]. Đối với cả tỉnh Phú Thọ, GRDP/người mới bằng khoảng 70% so mức trung bình cả nước. Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định phấn đấu đến năm 2025 có GRDP/người rút bớt mức chênh lệch với trung bình cả nước (đến 2025 bằng khoảng 85%). Theo đó, tốc độ tăng trưởng GRDP phải đạt khoảng 7,5-8%/năm. Theo kinh nghiệm của tỉnh Thái Nguyên (sau khi thu hút được Công ty điện tử SAMSUNG với số vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD) đã tạo ra tốc độ tăng GRDP khoảng 20-22%/năm hay kinh nghiệm từ tỉnh Bắc Giang sau khi họ thu hút khoảng 6 tỷ USD vốn FDI đã tạo ra tốc độ tăng trưởng GRDP khoảng 16-17%/năm. Tỉnh Phú Thọ muốn bứt tốc và gia tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế của tỉnh thì phải thu hút các nhà đầu tư FDI lớn, mang tâm chiến lược đến từ các nước phát triển hàng đầu thế giới. Để thu hút được các nhà đầu tư FDI, tỉnh đã có chủ trương miễn thuế thu nhập 2-4 năm, giảm 50% của 4-9 năm tiếp theo. Theo những gì đã trình bày ở các phần trước, tác giả đã tổng hợp và tính toán được các chỉ tiêu chủ yếu, cần thiết về kết quả, hiệu quả phát triển các KCN trong giai đoạn 2010-2020 của tỉnh Phú Thọ. Kết quả tính toán và phân tích đem lại những nhận định có giá trị.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả phát triển khu công nghiệp của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010-2020

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2010 | 2015 | 2019 | 2020 |
|--|-------------|--------------|--------------|----------------|----------------|
| 1. Số KCN | Khu | 2 | 3 | 4 | 4 |
| 2. Diện tích tự nhiên | Ha | 432,59 | 782,69 | 1238,88 | 1238,85 |
| 3. Diện tích bình quân 1 KCN | Ha | 216,3 | 260,89 | 309,7 | 309,7 |
| 4. Diện tích đã cho thuê | Ha | 113,96 | 185,32 | 360,65 | 394,8 |
| <i>% so diện tích tự nhiên</i> | % | 26,3 | 26,7 | 29,1 | 31,9 |
| 5. Tổng đầu tư xây dựng KCHT | Tỷ đ | 48,96 | 183,49 | 1658,9 | 2026,9 |
| <i>Bình quân 1 ha</i> | <i>Tr đ</i> | <i>113,1</i> | <i>234,4</i> | <i>1.339,0</i> | <i>1.636,1</i> |
| 6. Số dự án đầu tư/DN vào KCN | DA/DN | 48 | 86 | 143 | 155 |
| 7. Đầu tư của tất cả các DA vào KCN | Tỷ đ | | | | 40.224 |
| <i>Bình quân đầu tư 1 dự án</i> | <i>Tỷ đ</i> | | | | <i>259,5</i> |
| 8. Doanh thu, giá hiện hành | Tỷ đ | | 14.000 | 38.134 | 39.830 |
| <i>Bình quân 1 ha cho thuê</i> | <i>Tỷ đ</i> | | <i>75,5</i> | <i>105,7</i> | <i>100,89</i> |
| <i>Bình quân 1 đ vốn đầu tư của DN</i> | | | <i>162,8</i> | <i>266,67</i> | <i>256,96</i> |
| 9. Tổng kim ngạch xuất khẩu | Tr USD | 0,22 | 560 | 1645 | 3806,8 |
| <i>Tỷ trọng so tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh</i> | % | | | | <i>78,3</i> |
| 10. Tổng nộp thuế vào ngân sách nhà nước | Tỷ đ | | 700 | 1004 | 579,6 |
| <i>Tỷ trọng so doanh thu</i> | % | | <i>5,0</i> | <i>2,63</i> | <i>1,91</i> |
| 11. Tổng lao động làm việc trong KCN | Lao động | 18.000 | 25.000 | 40.000 | 43.250 |
| <i>Tỷ trọng so tổng lao động xã hội</i> | % | <i>1,76</i> | <i>2,42</i> | <i>3,69</i> | <i>3,71</i> |
| 12. Chi phí khắc phục ô nhiễm môi trường | Tỷ đ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13. GRDP của tỉnh, giá hiện hành | Tỷ đ | | 43.148 | 63.059 | 66.716 |
| 14. GTGT của các KCN, giá hiện hành (=35% doanh thu) | Tỷ đ | | 4.910 | 13.346 | 13.876 |
| <i>Tỷ trọng so GRDP của tỉnh</i> | % | | <i>11,3</i> | <i>21,1</i> | <i>20,8</i> |

Nguồn: Tác giả xử lý theo số liệu của Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ [7]

Từ những chỉ tiêu đã thu thập và tính toán được như tác giả thể hiện ở Bảng 1, cho thấy kết quả và hiệu quả phát triển KCN ở Phú Thọ đã đạt một số thành tựu đáng khích lệ. Phần lớn các chỉ tiêu mà tác giả đã xác định có thể tính toán được. Các KCN đóng góp chỉ khoảng 3,7% lao động xã hội nhưng đóng góp cho tỉnh 78% kim ngạch xuất khẩu, do đó làm cho tỉnh Phú Thọ đứng thứ 12 trong 63 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương về giá trị xuất khẩu. Trong giai đoạn 2015-2020, các KCN của tỉnh đóng góp khoảng 25-28% tăng trưởng kinh tế của tỉnh, đóng góp tới

khoảng 78% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Số KCN còn ít, quy mô doanh nghiệp hầu hết còn nhỏ, số doanh nghiệp FDI cũng còn ít và số có công nghệ cao cũng ít. Các chỉ tiêu hiệu quả đạt mức hạn chế thậm chí có người nói là còn thấp. Thu nhập bình quân 1 lao động đạt khoảng 78-80 triệu đồng/năm/người (gấp 1,6 lần mức trung bình của tỉnh). Đóng góp của KCN cho tăng trưởng GRDP của tỉnh còn ở mức hạn chế (chỉ khoảng 30%). Đóng góp của KCN cho ngân sách tỉnh tương đối đáng kể, đóng góp khoảng 48% ngân sách của khối doanh nghiệp cho ngân sách tỉnh

(trong khi số doanh nghiệp trong KCN chỉ chiếm khoảng 4% tổng doanh nghiệp của tỉnh: 155/4462 doanh nghiệp). Tuy thế so với tiềm năng thì việc phát triển KCN ở tỉnh Phú Thọ vẫn còn những hạn chế cần có giải pháp khắc phục. Cho đến nay, nhà xưởng trong tất cả các KCN ở tỉnh này đều mới xây dựng 1 tầng, rất tốn diện tích đất đai... Rất tiếc do thiếu số liệu của cả nước cũng như của các tỉnh nên tác giả không so sánh với cả nước cũng như với các tỉnh khác trong quá trình đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN ở tỉnh Phú Thọ. Thực tế cho biết, do thống kê hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phân tích nhưng nếu đổi mới thì hoàn toàn có thể có đủ số liệu để phân tích.

4. Kết luận

Để đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN cần có chỉ tiêu định lượng. Trong bài viết của mình, tác giả đề xuất 3 nhóm chỉ tiêu với tổng số 17 chỉ tiêu cơ bản để đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN và đề xuất 4 chỉ tiêu phân tích tác động tiêu cực từ quá trình phát triển KCN cũng như để minh chứng cho tình trạng hiệu quả phát triển KCN còn thấp. Các chỉ tiêu này có thể tính toán, phân tích kết quả, hiệu quả phát triển KCN ở các tỉnh của nước ta và chúng có tính khả thi, hữu ích. Trong quá trình đánh giá không nên vì yếu tố chủ quan mà làm sai lệch kết quả phân tích, đánh giá. Nếu các tỉnh trong cả nước đều tiến hành đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN thì mỗi tỉnh có thể so sánh được với tỉnh khác. Đó là điều rất có ích cho việc hoạch định chủ trương phát triển KCN, xác định đúng đắn các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển KCN của cả nước cũng như của các tỉnh ở nước ta.

Lập quy hoạch phát triển KCN có căn cứ khoa học cộng với quản lý, điều hành phát triển KCN có hiệu lực, hiệu quả mới có thể

tạo ra những tiền đề để bứt tốc nền kinh tế của tỉnh Phú Thọ. Chỉ có thu hút được các nhà đầu tư làm ăn có hiệu quả, trong đó có nhiều nhà đầu tư lớn mới tạo ra tiền đề để các KCN phát triển nhanh, hiệu quả cao. Khi ấy kinh tế địa phương mới phát triển có hiệu quả và bền vững trong cả trước mắt và trong dài hạn.

Hiện nay, vì bất cập trong việc thống kê số liệu đáp ứng yêu cầu phân tích, đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN nên tùy điều kiện số liệu có được mà xác định và quyết định sử dụng chỉ tiêu nào để phân tích, đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN nhưng không được bỏ qua những chỉ tiêu quan trọng, then chốt. Chúng ta cần cố gắng tìm cách để có nhiều số liệu đáp ứng yêu cầu đánh giá kết quả, hiệu quả phát triển KCN một cách toàn diện, đầy đủ. Thực tế cho thấy, hoạt động thống kê số liệu các KCN ở Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu. Để có số liệu thống kê đáp ứng yêu cầu phân tích kết quả, hiệu quả phát triển KCN đề nghị các tỉnh đổi mới thống kê về phát triển các KCN theo hướng hiệu quả, bền vững.

Lời cảm ơn: Tác giả cảm ơn Lãnh đạo, cán bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp của tỉnh Phú Thọ đã giúp đỡ, cung cấp số liệu để tính toán minh họa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Thị La (2019). Quản lý phát triển khu công nghiệp ở tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững.. Luận án tiến sỹ kinh tế. Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Trần Duy Đông (2020). Phát triển khu công nghiệp sinh thái ở Việt Nam. Luận án tiến sỹ quản lý kinh tế. Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Thu Thủy (2018). Quản lý phát triển bền vững các khu công nghiệp tại thành phố Hải Phòng. Luận án tiến sỹ kinh tế. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.

- [4] Ngô Thúy Quỳnh (2008). Phát triển tổ chức lãnh thổ kinh tế ở tỉnh Vĩnh Phúc. Luận án tiến sĩ. Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
- [5] Ngô Thúy Quỳnh (2007). Bài học về tổ chức lãnh thổ kinh tế ở tỉnh Vĩnh Phúc. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 12.
- [6] Khánh Trang (2020). Xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp làm động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội. Truy cập ngày 21/01/2022, từ <<https://phutho.gov.vn/en/node/35866>>.
- [7] Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ (2020). Báo cáo tình hình phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- [8] Ngô Thúy Quỳnh (2011). Bàn về chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các loại hình tổ chức lãnh thổ kinh tế. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 14.
- [9] Đức Trung (2021). Tình hình xây dựng và phát triển KCN, KKT đến tháng 02 năm 2021. Truy cập ngày 21/01/2022, từ <<https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=49041&idcm=188>>.
- [10] Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG (2021). Hiện trạng các khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động tại Việt Nam. Truy cập ngày 21/01/2022, từ <<https://saigonvrg.com.vn/vi/hien-trang-cac-khu-cong-nghiep-kcn-dang-hoat-dong-tai-viet-nam>>.

ASSESSING INDUSTRIAL PARK DEVELOPMENT IN VIETNAM: SOME THEORETICAL ISSUES AND PRACTICAL APPLICATIONS

Ngô Thúy Quỳnh¹

¹National Academy of Public Administration, Ha Noi

Abstract

By the end of 2021, Vietnam has 291 industrial parks in operation, with a total area of 87 thousand hectares (The land for industrial development alone is about 58 thousand ha), creating jobs for about 1.5 million workers, contributing about 35% of export value, 32% of production value. Industry... Industrial zones have created great economic development for the country as well as for the provinces. But how great the contribution really is has not been fully and comprehensively quantified. Scientific organizations and state management agencies have not had satisfactory studies on evaluating the results and efficiency of industrial park development. Therefore, in Vietnam, there have not been any convincing comments on the value of industrial park development. Faced with that situation, the author has spent a lot of time researching on the issue of quantitative assessment of industrial park development with the desire to contribute more information for those interested in reference. Therefore, in Vietnam, there have not been any convincing comments on the value of industrial park development. Faced with that situation, the author has spent a lot of time researching on the issue of quantitative assessment of industrial park development with the desire to contribute more information for those interested in reference, especially for localities in our country.

Keywords: *Evaluation, indicators, industrial parks, efficiency*